

Số: 1306 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 04 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông xã  
Chiềng Dong - Phiêng Cầm, huyện Mai Sơn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; Luật đầu tư công năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về mức hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc Dự án 1 và Tiểu dự án 1, Dự án 4 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh về phân bổ ngân sách Nhà nước năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh danh mục dự án kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022; Nghị quyết số 189/NQ-HĐND ngày 02/6/2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị quyết số 214/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh về việc bổ sung thông tin danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025, năm 2022 và năm 2023 vốn ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của UBND tỉnh về việc giao ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh danh mục dự án tại Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 01/7/2022; Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của UBND tỉnh về việc bổ sung thông tin danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025; điều chỉnh kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025, năm 2022 và năm 2023 vốn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 1550/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện dọc Quốc lộ 6 trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 1595/QĐ-BTNMT ngày 14/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đường giao thông xã Chiềng Dong - Phiêng Cầm, huyện Mai Sơn;*

*Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1977/TTr-SGTVT ngày 28 tháng 6 năm 2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình với các nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên dự án:** Đường giao thông xã Chiềng Dong - Phiêng Cầm, huyện Mai Sơn.

**2. Quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La.

**3. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**4. Mục tiêu:** Tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh ở các xã đặc biệt khó khăn, các thôn đặc biệt khó khăn; đầu tư đường đến trung tâm xã và cứng hóa đường đến trung tâm xã, liên xã.

### **5. Phạm vi, quy mô đầu tư xây dựng và giải pháp kỹ thuật chính**

#### **5.1. Phạm vi công trình**

- Điểm đầu tuyến: Km0+00 (đầu nối tiếp vào Km3+400 đường QL.4G đi xã Chiềng Dong).

- Điểm cuối tuyến: Giao với Km27+600, ĐT.113.

**5.2. Quy mô xây dựng:** Xây dựng tuyến đường theo tiêu chuẩn đường cấp B (TCVN 10380:2014), với tổng chiều dài tuyến L=28,02km.

#### **5.3. Giải pháp kỹ thuật**

a) Hướng tuyến và nền đường: Tuyến được triển khai trên cơ sở tận dụng nền đường hiện trạng kết hợp với mở mới và cải tạo, mở rộng đảm bảo hợp lý về kinh tế - kỹ thuật, phù hợp với quy trình, quy phạm hiện hành.

- Bình đồ: Bán kính đường cong nằm nhỏ nhất sử dụng  $R_{\min}=15\text{m}$ ;

- Cắt dọc: Độ dốc dọc lớn nhất sử dụng  $I_{\max}=13\%$ ;

- Cắt ngang: Bề rộng nền đường  $B_n=5,0\text{m}+W$  (không kể rãnh dọc), trong đường cong mở rộng theo tiêu chuẩn. Mái taluy đào 1/0,75 đất cấp 3, cấp 4; 1/0,3-1/0,5 đá cấp 3, đá cấp 4; 1/1,5 đắp đất, 1/1,0 đắp đá;

- Rãnh dọc:

+ Đoạn nền đất, đá phong hoá mạnh tiết diện hình thang, gia cố bằng BTXM tại các vị trí xung yếu (*dốc dọc lớn, đông dân cư, địa chất bị xói lở*); rãnh dọc qua đoạn nền đá cứng liền khối tiết diện hình tam giác.

+ Các vị trí có khe nước lớn bố trí hồ thu kết hợp rãnh dọc hình chữ nhật bằng BTXM đảm bảo thoát nước về các vị trí công lân cận.

+ Các vị trí giao nhau với đường dân sinh bố trí rãnh chịu lực bằng BTCT.

b) Mặt đường: Bề rộng mặt đường  $B_m=3,5m+W$ , trong đường cong mở rộng theo tiêu chuẩn; mặt đường cấp cao A2,  $E_{yc} \geq 80\text{Mpa}$ , kết cấu láng nhựa nóng 3 lớp dày 3,5cm (TCN 4,5Kg/m<sup>2</sup>)/ móng đá dăm nước/ khuôn đường  $K \geq 0,95$ ; lề đường đắp đất đầm chặt  $K \geq 0,95$ .

c) Công trình trên tuyến

- Công trình cống: Tận dụng sửa chữa cống cũ còn tốt, xây dựng cống mới khẩu độ từ (0,6-1,5)m, dùng thoát nước lưu vực và rãnh dọc, khổ phù hợp với bề rộng nền đường, tải trọng thiết kế H13-X60; tần suất lũ thiết kế  $P=10\%$ ;

- Tường chắn: Xây dựng tường chắn taluy tại các vị trí nền đường hẹp, có độ dốc ngang lớn, kết cấu bằng BTXM hoặc rọ thép nhồi đá hộc, tải trọng thiết kế H13-X60.

- Công trình cầu: Xây dựng mới 01 cầu dầm BTCT dự ứng lực vượt suối (*sơ đồ nhịp  $L_n=33m$* ), bề rộng toàn cầu  $B_c=6+2 \times 0,5(\text{lan can})=7,0m$ , tải trọng thiết kế HL93 theo TCVN 11823:2017, người đi bộ 0,003Mpa; tần suất lũ thiết kế  $P=1\%$ ; đường hai đầu cầu xây dựng phù hợp với quy mô cầu và vuốt nối hài hòa với tuyến chính, kết cấu mặt đường đồng bộ với tuyến chính.

d) Hạng mục khác

- Xây dựng các nút giao cùng mức vuốt nối hài hòa phù hợp với quy mô của tuyến và điều kiện thực tế;

- Xây dựng cọc tiêu, cọc H, cột Km, biển báo, hộ lan tôn sóng và sơn vạch kẻ đường tại các vị trí nguy hiểm, kích thước, cấu tạo tuân thủ Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT và phù hợp với thực tế.

e) Khối lượng và các chi tiết cụ thể: Theo hồ sơ thiết kế được Sở Giao thông vận tải thẩm định tại Thông báo kết quả thẩm định số 1958/SGTVT-QLCL ngày 25/6/2024.

**6. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập dự án:** Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Mai Lâm. Địa chỉ: Số 08, đường 3/2, Tổ 8, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

**7. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng**

- Địa điểm xây dựng: Huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Diện tích đất sử dụng: 32,65 ha.

**8. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính**

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.
- Loại công trình: Công trình giao thông.
- Cấp công trình: Công trình cấp IV; Cầu đường bộ cấp III.
- Thời hạn sử dụng công trình chính: Theo tiêu chuẩn thiết kế áp dụng TCVN 10380:2014 và các tiêu chuẩn có liên quan.

**9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn**

9.1. Số bước thiết kế: 02 bước (*thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công*).

9.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- TCVN 9398:2012 Công tác trắc địa trong XDCT - Yêu cầu chung;
- TCVN 9437:2012 Quy trình khảo sát thăm dò địa chất;
- TCCS 31:2020/TCĐBVN Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát (tham khảo);
- TCVN 4054-2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế (tham khảo);
- TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 9845-2013 Quy trình tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ;
- TCCS 38:2022/TCĐBVN Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;
- TCVN 8863:2011 Mặt đường láng nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9504:2012 Lớp kết cấu áo đường đá dăm nước - Vật liệu, thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8817-1:2011 Nhũ tương nhựa đường axit- Phần 1- Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 8818-1:2011 Nhựa đường lỏng - Phần 1 - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 11823:2017 Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ;
- TCVN 4447:2012 Công tác đất thi công và nghiệm thu;
- TCVN 5574:2012 Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;
- TCVN 7570:2006 Yêu cầu kỹ thuật cốt liệu cho bê tông và vữa;
- TCVN 1651-1:2008; 1651-2:2008 Thép cốt bê tông;
- QCVN 41:2019/BGTVT Quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ;

Ngoài ra còn tham khảo một số quy trình, quy phạm và một số các thiết kế điển hình khác của Nhà nước và của Bộ GTVT ban hành.

**10. Tổng mức đầu tư: 134.900.050.000,0 đồng** (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi tư tỷ, chín trăm triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trong đó:

- Chi phí GPMB : 16.875.515.000 đồng;
- Chi phí xây dựng : 91.223.084.000 đồng;

- Chi phí quản lý dự án : 1.616.198.000 đồng;
- Chi phí tư vấn : 9.758.390.000 đồng;
- Chi phí khác : 6.007.006.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 9.419.857.000 đồng.

**11. Tiến độ thực hiện dự án: 2023-2026.**

**12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án**

- Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 4 Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và ngân sách tỉnh.

- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Năm	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Tổng số
2023-2025	44.832,000	90.068,050	134.900,050

**13. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:** Chủ đầu tư tổ chức thực hiện theo quy định.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

**1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (chủ đầu tư):**

- Chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu hồ sơ dự án trình duyệt (đảm bảo đúng mục tiêu đầu tư đã được HĐND tỉnh thông qua và ý kiến của Ban Dân tộc tỉnh tại Công văn số 406/BDT-CSĐT ngày 21/5/2024);

- Tổ chức triển khai thực hiện dự án đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tiến độ thời gian; Quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định;

- Chủ động rà soát các nội dung kiến nghị của Sở Giao thông vận tải tại Thông báo kết quả thẩm định số 1958/SGTVT-QLCL ngày 25/6/2024 trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

**2. Sở Giao thông vận tải**

- Chịu trách nhiệm về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu, nội dung, quy trình, kết quả thẩm định dự án;

- Hướng dẫn chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án tuân thủ quy định pháp luật về xây dựng theo thẩm quyền quản lý; tổng hợp, tham mưu các nội dung vướng mắc trong quá trình triển khai dự án (nếu có).

**3. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm cân đối, tham mưu kế hoạch vốn để triển khai thực hiện dự án theo quy định.**

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành/.

***Nơi nhận:***

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- VP UBND tỉnh (LĐ, phòng KT);
- TT Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT (Toàn).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Hồng Minh**